

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 10 - 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị H

Bà Hoàng Thị Mai H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Trọng Th, sinh năm 1965. Nơi ĐKKHKT: Khối 1, phường S, Th phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Số nhà 23B, ngõ 39, đường Hồ Phi Tích, khối V, phường Đ, Th phố V, tỉnh Nghệ. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1972. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Khối 1, phường S, Th phố V, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: Phòng 203, tòa nhà Serabi Noguchi, 207-1, Nakamuracho 3-Chome Minami, Yokohama, Kanagawa Nhật Bản 232 – 0033. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15/7/2021, lời khai ngày 18/10/2021 anh Mai Trọng Th trình bày: Anh Th và chị Bùi Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/11/1998 tại Ủy ban nhân dân C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc với nhau trong thời gian dài, đã có 02 con chung. Năm 2018, do hoàn cảnh khó khăn, nên chị Th xuất cảnh sang Nhật Bản làm ăn, thời gian đầu thường xuyên liên lạc với chồng con. Đến đầu năm 2020,

vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do xa cách nên bất đồng quan điểm sống và từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Th yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn chị Bùi Thị Th.

- Về con chung: Anh Th và chị Bùi Thị Th có hai con chung là cháu Mai Trọng Văn sinh ngày 13/6/1996 và cháu Mai Thị Quỳnh Tr sinh ngày 16/6/2002, hiện hai cháu đã đủ 18 tuổi trưởng Th, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về phía chị Bùi Thị Th: Tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10/8/2021, chị Bùi Thị Th đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án mà anh Mai Trọng Th xin ly hôn như sau: Chị Bùi Thị Th thừa nhận, điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Mai Trọng Th trình bày. Nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Th đồng ý.

- Về nuôi con chung: Chị Th xác định, vợ chồng có hai con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh đúng như anh Th đã khai, hiện các con đã đủ 18 tuổi trưởng Th, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Bùi Thị Th hiện đang ở nước ngoài, điều kiện khó khăn không thể về tham gia phiên tòa được, nên đề nghị Tòa án giải quyết và xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Th hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hoà giải và tham gia phiên tòa được. Ngày 10/8/2021, chị Th đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với anh Mai Trọng Th ngày 26/10/2021 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không hoà giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa mặc dù anh Mai Trọng Th vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn chị Bùi Thị Th. Xét thấy; anh Mai Trọng Th và chị Bùi Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc với nhau trong thời gian dài. Năm 2018, do hoàn cảnh khó khăn, nên chị Th xuất cảnh sang

Nhật Bản làm ăn, thời gian đầu thường xuyên liên lạc với chồng con. Đến đầu năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do xa cách nên bắt đầu quan điểm sống và từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả chị Th và anh Th đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ ly hôn nhau.

Về con chung: Chị Bùi Thị Th và anh Mai Trọng Th đều xác định, vợ chồng có 02 con chung đã đủ 18 tuổi trưởng Th, nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Anh Mai Trọng Th và chị Bùi Thị Th đều thống nhất, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Anh Mai Trọng Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 207; Khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Mai Trọng Th và chị Bùi Thị Th.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng Th, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Th và anh Mai Trọng Th không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Mai Trọng Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0011462 ngày 08/10/2021.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Anh Mai Trọng Th vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

5.2. Chị Bùi Thị Th đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ph